Chi tiết mã HS 8485.80.00

Mã HS	8485.80.00
Mô tả hàng hóa	Máy móc sử dụng công nghệ sản xuất bồi đắp / - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 03:18:17
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84858000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14661
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14661
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14661
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14017
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13958
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13958
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13958
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13958
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13958
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13958
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14012
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14012

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14012
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14012
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14012
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14012
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14013
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14013
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14013
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14013
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14013
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14013
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14016
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13964
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13972
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13972
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13972
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13972
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13972
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13972
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14003
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14003
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14003
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14003
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14003
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14003
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14058
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14058

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14058
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14058
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14058
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14058
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14035
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14035
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14035
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14035
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14035
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14035
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14035
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14035
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14035
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14035
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14035
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14035
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14050
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14050
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14050
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14050
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14050
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14050
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14049
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14049
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14049
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14049

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14049
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14049
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14042
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14042
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14042
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14042
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14042
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14042
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14042
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14037
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14037
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14037
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14037
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14037
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14037
RCEP B	2022	2022	0	B!D14037
RCEP B	2023	2023	0	B!E14037
RCEP B	2024	2024	0	B!F14037
RCEP B	2025	2025	0	B!G14037
RCEP B	2026	2026	0	B!H14037
RCEP B	2027	2027	0	B!I14037
RCEP C	2022	2022	0	C!D14037
RCEP C	2023	2023	0	C!E14037
RCEP C	2024	2024	0	C!F14037
RCEP C	2025	2025	0	C!G14037
RCEP C	2026	2026	0	C!H14037

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14037
RCEP D	2022	2022	0	D!D14036
RCEP D	2023	2023	0	D!E14036
RCEP D	2024	2024	0	D!F14036
RCEP D	2025	2025	0	D!G14036
RCEP D	2026	2026	0	D!H14036
RCEP D	2027	2027	0	D!I14036
RCEP E	2022	2022	0	E!D14040
RCEP E	2023	2023	0	E!E14040
RCEP E	2024	2024	0	E!F14040
RCEP E	2025	2025	0	E!G14040
RCEP E	2026	2026	0	E!H14040
RCEP E	2027	2027	0	E!I14040
RCEP F	2022	2022	0	F!D14037
RCEP F	2023	2023	0	F!E14037
RCEP F	2024	2024	0	F!F14037
RCEP F	2025	2025	0	F!G14037
RCEP F	2026	2026	0	F!H14037
RCEP F	2027	2027	0	F!I14037
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13040
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13040
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13040
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13040

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8485.80.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8485.80.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8485.80.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8485.80.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14661), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.